

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN C  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HN-ST

Ngày: 22/9/2020

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thanh Trúc**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông **Phạm Thanh Thanh**

- Ông **Lư Thành Danh**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hạnh**

**Nhung** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận C.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 225/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 143/2020/QĐST-HN ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1960.

\* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: KV Phú Mỹ, P. Thường Thạnh, Q C, Tp. Cần Thơ.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn xin giải quyết vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* *Theo đơn xin ly hôn đề ngày 27 tháng 7 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:* Bà và ông Đ cưới nhau vào năm 1978, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND phường Thường Thạnh, quận C vào ngày 09/4/2004. Vợ chồng chung sống được khoảng 12 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ không chí thú làm ăn mà thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc gây nợ nần đến mức bà phải bán nhiều tài sản để trả nợ cho ông. Nhiều lần bà phải nhập viện vì sức ép tâm lý từ ông Đ gây ra. Do không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành H sinh 20/10/1980 và

Nguyễn Thành P, sinh 01/01/1988. Cả 02 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

\* Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/8/2020 bị đơn ông Nguyễn Thành Đ trình bày: Quá trình sống chung ông và bà Đ thường xuyên cãi vã. Gia đình bên ông thường xuyên gây áp lực, nói nhiều điều sai sự thật về vợ và con ông, làm ảnh hưởng căn bệnh tim của bà Đ, gây ảnh hưởng uy tín, danh dự của vợ con ông. Qua trao đổi ông và bà Đ đưa ra phương án ly hôn để giảm áp lực cho vợ con ông. Ông đồng thuận ly hôn theo đơn yêu cầu của bà Đ. Đồng thời ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, bà Đ giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Thành Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà Đ có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Xin ly hôn” được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do ông Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông Đ xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên do cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên bà Đ yêu cầu được ly hôn. Ông Đ thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là thật. Cho thấy cuộc sống chung của ông, bà không hạnh phúc. Bà Đ cương quyết yêu cầu được ly hôn. Do vậy nên chấp nhận nguyện vọng bà Đ là cho bà được ly hôn với ông Đ.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thành H sinh 20/10/1980 và Nguyễn Thành P, sinh 01/01/1988. Cả 02 đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ xác định bà và ông Đ tự thỏa thuận giải quyết. Ông, bà không có nợ chung. Do ông Đ vắng mặt nên cần tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên án:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà Đ phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 006267 ngày 05/8/2020.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng ông Đ thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Cần Thơ “để báo cáo”.
- VKSND TPCT, Q. C “để theo dõi”.
- Các đương sự “để biết”.
- THA DS Q. C “để thi hành”.
- **UBND P. Thường Thạnh.**
- Lưu hồ sơ Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Cao Thị Thanh Trúc***

**Các hội thẩm nhân dân**

**Chủ tọa phiên tòa**

***Phạm Thanh Thanh    Lư Thành Danh***

***Cao Thị Thanh Trúc***







